

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **57** /CTN-KTTC

Bình Định, ngày **06** tháng 3 năm 2018

V/v công bố thông tin Báo cáo  
thường niên năm 2017 của  
Công ty cổ phần Cấp thoát  
nước Bình Định.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định
2. Mã chứng khoán: BDW
3. Địa chỉ: 146 Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
4. Điện thoại: 0256 3646061 Fax: 0256 3847843
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Châu
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2017
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên:  
<http://binhdinhwaco.com.vn>

Chúng tôi cam kết thông tin công trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *t.v.c*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, CV. *Quy*

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2017.



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Châu*  
**Nguyễn Văn Châu**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 146, đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84-256) 3747.306 Fax: (84-256) 3847.843

Website: [www.binhdinhwaco.com.vn](http://www.binhdinhwaco.com.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2017**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG:</b> .....	3
1. Thông tin khái quát: .....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	5
4. Định hướng phát triển: .....	8
5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp: .....	9
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:</b> .....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	11
2. Tổ chức và nhân sự: .....	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	16
4. Tình hình tài chính: .....	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	19
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:</b> .....	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	19
2. Tình hình tài chính: .....	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	24
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	24
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty .....	24
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:</b> 25	
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và của Ban điều hành:.....	25
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....	26
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:</b> .....	28
1. Hội đồng quản trị:.....	28
2. Ban Kiểm soát: .....	29
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát: .....	30
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:</b> .....	31
1. Ý kiến kiểm toán: .....	31
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....	31

02  
 NG  
 PH  
 ĐÁ  
 Đ  
 V-T  
 =

7/11  
 1

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

Năm báo cáo: 2017

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **BINH DINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt : **BIDIWASSCO**
- Mã chứng khoán : **BDW**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/5/2017.
- Trụ sở chính: Số 146, đường Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại : (84-256) 3747.306
- Fax : (84-256) 3847.843
- Website : [www.binhdinhwaco.com.vn](http://www.binhdinhwaco.com.vn)
- Vốn điều lệ : **124.108.000.000 VND**

### Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tiền thân là Nhà máy nước Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1099/QĐ-TC ngày 23/12/1976 của UBND tỉnh Nghĩa Bình;

Ngày 28/12/1992 được đổi thành Công ty Cấp nước Bình Định theo Quyết định số 2611/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 23/9/1996 được đổi thành Công ty cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 2312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên cho Công ty Cấp nước Bình Định.

Ngày 01/7/2010 được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên.

Năm 2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định thực hiện cổ phần hóa theo Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 512/QĐ-CTUBND ngày 20/3/2012.

Ngày 28/10/2014, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3570/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty cổ phần.

Ngày 31/12/2014, Công ty đã phối hợp với tổ chức thực hiện đấu giá (Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh) cùng với công ty tư vấn (Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt) tổ chức thành công phiên đấu giá chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng với 3.803.488 cổ phần.

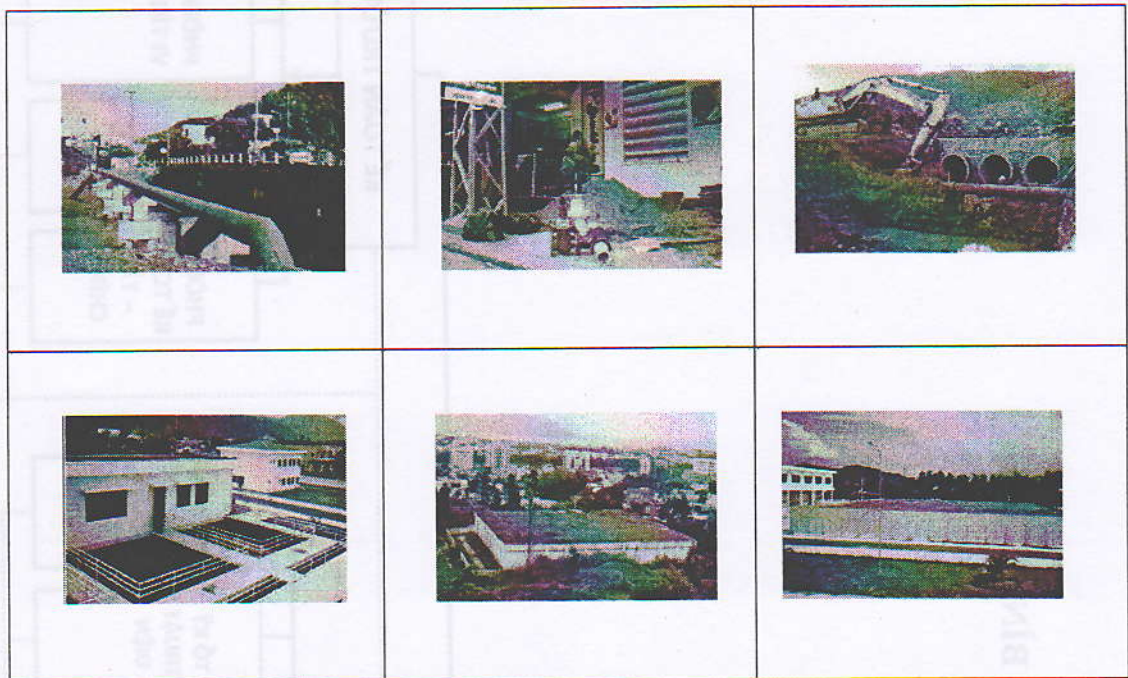
Ngày 26/03/2015, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/4/2015 với vốn điều lệ là 124.108.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2015, cổ phiếu BDW của Công ty chính thức được giao dịch tại thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đây là cơ hội tốt cho Công ty quảng bá hình ảnh, nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch trong quản trị điều hành cũng như tạo tiền đề cho việc huy động vốn qua thị trường chứng khoán trong tương lai.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho các khách hàng trên địa bàn Thành phố Quy Nhơn và Thị xã An Nhơn (phường Bình Định, phường Đập Đá và phường Nhơn Thành); huyện Tuy Phước (thị trấn Tuy Phước); huyện Phù Cát (thị trấn Ngô Mỹ); huyện Phù Mỹ (thị trấn Bình Dương); huyện Hoài Nhơn (thị trấn Bồng Sơn, thị trấn Tam Quan) và huyện Hoài Ân (thị trấn Tăng Bạt Hổ). Ngoài ra, công ty còn thực hiện công tác xây lắp hệ thống cấp nước và kinh doanh vật tư.

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH



Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ trong năm:

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng
Sản xuất và kinh doanh nước sạch	154.395	94%
Xây lắp	5.354	4%
Hoạt động khác	3.947	2%
<b>Tổng cộng</b>	<b>163.696</b>	<b>100%</b>

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### a) Mô hình quản trị:

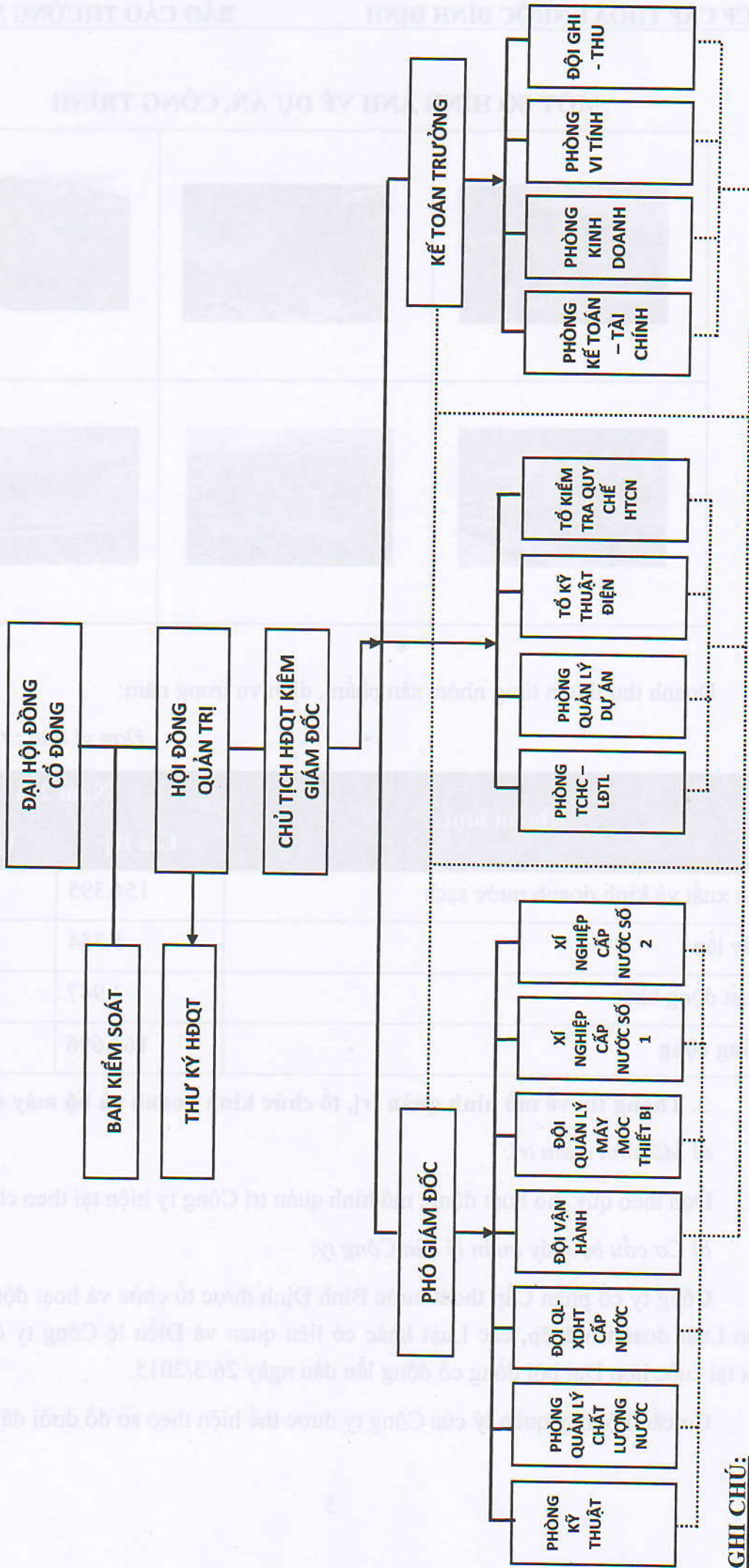
Dựa theo quy mô hoạt động, mô hình quản trị Công ty hiện tại theo chiều dọc.

#### b) Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 26/3/2015.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**



**GHI CHÚ:**  
 → CHỈ ĐẠO TRỰC TIẾP  
 ..... QUAN HỆ TRAO ĐỔI  
 ————— KIỂM SOÁT

### *b.1. Đại hội đồng cổ đông*

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty; thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS).
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### *b.2. Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty gồm có 05 thành viên (từ ngày 01/10/2017 còn lại 04 thành viên), có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### *b.3. Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:





- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

*b.4. Ban điều hành:*

Ban điều hành do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm, bao gồm 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc (kể từ ngày 01/10/2017 còn lại 01 Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng. Ban điều hành có nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị về kế hoạch kinh doanh. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty theo đúng điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý của Công ty: Trưởng, phó phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc.

- Báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả và tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty, bao gồm Báo cáo tài chính hàng năm và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng Quản trị.

*b.5. Các phòng chức năng*

- 07 Phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính - Lao động tiền lương, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Quản lý dự án, Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng nước và Phòng Vi tính;

- 02 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cấp nước số 1, Xí nghiệp Cấp nước số 2;

- 06 Tổ, Đội sản xuất: Đội Quản lý - Xây dựng hệ thống cấp nước, Đội Vận hành; Đội Quản lý máy móc, thiết bị, Đội Ghi thu, Tổ Kỹ thuật điện và Tổ Kiểm tra quy chế quản lý hệ thống cấp nước.

**4. Định hướng phát triển:**

*a) Mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty, tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông; cải thiện điều

kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

*b) Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. Công ty đề ra mục tiêu đạt được đến năm 2025 như sau:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 100%, với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; các khu công nghiệp được cấp nước đầy đủ theo yêu cầu áp lực và lưu lượng.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

- Phát triển nguồn nhân lực, kết hợp giữa sắp xếp tinh giản lao động thừa cùng với tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo lao động hiện có.

- Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tài chính, đầu tư.

*c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:*

Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, giảm chi phí nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

## **5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:**

*a) Rủi ro kinh tế:*

- Việt Nam là nước đang phát triển, có tốc độ đô thị hóa tương đối cao. Sau giai đoạn tăng trưởng khá (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,6% trong giai đoạn 2000-2010), GDP đang có xu hướng giảm dần, trong giai đoạn 2011 – 2013 chỉ đạt 5,6%. Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thông qua các yếu tố: chi phí nguyên vật liệu đầu vào đa phần có xu hướng tăng, lãi vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất-kinh doanh còn ở mức tương đối cao,...



- Đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch ít bị ảnh hưởng bởi rủi ro kinh tế nhờ nước sạch là sản phẩm thuộc dạng thiết yếu của người dân.

*b) Rủi ro đặc thù:*

*b.1. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác*

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các giếng bơm nước ngầm thuộc hệ thống giếng Tân An và khu vực tại Xí nghiệp Cấp nước số 1 và số 2. Sự thay đổi về chất lượng nước và lưu lượng nước ngày càng sụt giảm cũng ảnh hưởng đến quá trình cung cấp nước sạch của Công ty.

Hoạt động sản xuất nông, công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu; các hoạt động vứt xả rác bừa bãi dọc theo các sông cũng gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm.

*b.2. Rủi ro thất thoát, thất thu nước sạch*

- Thất thoát nước: Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty năm 2017 là: 17,81%.

Nước thất thoát được phân theo 02 loại:

+ Thất thoát vô hình: Rò rỉ trong mạng đường ống nước theo mỗi nối.

+ Thất thoát hữu hình: Do bể vỡ đường ống nước; dùng cho công tác súc xả đường ống, thổi rửa giếng: có thể khắc phục được.

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

- Thất thu nước:

+ Khách hàng không thanh toán tiền sử dụng nước sạch;

+ Chây ì, chậm thanh toán tiền sử dụng nước sạch;

+ Đồng hồ đo lưu lượng nước đứng;

+ Đồng hồ đo lưu lượng nước sai số;

+ Mở van đồng hồ đo lưu lượng nước nhỏ;

+ Gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ;

+ Sử dụng sai mục đích.

c) *Rủi ro khác:*

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro do sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

a) *Những thuận lợi cơ bản:*

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của UBND tỉnh Bình Định, các Sở, ngành và chính quyền địa phương các cấp.

- Ban điều hành Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

- Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy, mạng lưới cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước.

b) *Những khó khăn chủ yếu:*

- Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm, việc đầu tư mở rộng các dự án, mạng lưới cấp nước còn nhiều khó khăn do nguồn vốn đầu tư của Công ty bị hạn chế.

- Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện,... tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến chất và lượng nguồn nước Công ty khai thác để sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt cho khách hàng.

- Sản phẩm, dịch vụ cấp nước đô thị theo quy định là sản phẩm, dịch vụ công ích. Theo quy định của Nhà nước: “Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để đơn vị cấp nước duy trì và phát triển”. Tuy nhiên hiện nay giá tiêu thụ nước sạch của Công ty chưa được xác lập như quy định, mặc dù đã được ngân sách nhà nước trợ giá 2,4 tỉ đồng/năm (năm 2015-2017) phục vụ cấp nước cho nhân dân xã Nhơn Hải. Bên cạnh đó, từ ngày 18/11/2016, Công ty thực hiện mua nước sạch qua đồng hồ tổng từ Công ty TNHH MTV cấp nước Senco Bình Định theo Hợp đồng số 692/HĐ ngày 19/10/2016 dẫn đến tăng chi phí sản xuất, năm

2017, UBND tỉnh Bình Định chưa có cơ chế hỗ trợ chi phí tăng thêm do thực hiện mua nước đã qua xử lý của Công ty Senco. Vì vậy, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

**\* Tình hình thực hiện so kế hoạch năm 2017:**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu so sánh	Kế hoạch năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện năm 2017	So sánh thực hiện/kế hoạch
Vốn điều lệ	124.108.000.000	124.108.000.000	100%
Tổng Doanh thu	147.300.000.000	163.695.630.404	111%
Lợi nhuận trước thuế	11.650.000.000	8.450.153.208	73%
Lợi nhuận sau thuế	9.320.000.000	6.726.951.166	72%
Tỷ lệ cổ tức (%)	3,50	3,50	100%

**2. Tổ chức và nhân sự:**

a) Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Châu (Trước: Đại diện vốn Nhà nước: 4.262.372 CP)	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	34,39%	4.269.172
2	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2017)	0,03%	3.200
3	Lê Tiến Dũng	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	0,05%	6.800
4	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	0,028%	3.500

**\* Tóm tắt lý lịch cá nhân:****- (Ông) Nguyễn Văn Châu: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

Họ và tên: Nguyễn Văn Châu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/08/1973

Nơi sinh: Quy Nhơn – Bình Định

CMND: 211415476, ngày cấp: 12/12/2012, nơi cấp: CA Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Nhơn, Bình Định

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, KV3, P. Lý Thường Kiệt, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

ĐT liên lạc ở cơ quan: 056 3946161

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 4.269.172 cổ phần, chiếm 34,39% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 4.262.372 cổ phần (theo Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định).

+ Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phần

**- (Ông) Lê Tiến Dũng: Thành viên HĐQT-Phó Giám đốc Công ty**

Họ và tên: Lê Tiến Dũng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1968

Nơi sinh: Quỳnh Hợp, Nghệ An.

CMND: 215281418, ngày cấp: 13/6/2009, nơi cấp: CA Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Phước, Ninh Thuận

Hộ khẩu thường trú: 557 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định

Chỗ ở hiện nay: 54 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Bình Định.

ĐT liên lạc: 0913472827

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Chủ tịch công đoàn cơ sở Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định.

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 6.800 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 6.800 cổ phần

**- (Ông) Đặng Đình Lân: Thành viên HĐQT-Phó Giám đốc Công ty**

Họ và tên: Đặng Đình Lân

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/9/1957

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 211076601, ngày cấp: 12/01/2015, nơi cấp: CA Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Sơn, Bình Định

Hộ khẩu thường trú: 539 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

ĐT liên lạc: 0913440711

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng ngành Cấp thoát nước

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (từ ngày 01/10/2017 đã có Quyết định nghỉ hưu)

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.200 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.200 cổ phần

- (Ông) **Lê Thanh Cường: Kế toán trưởng Công ty**

Họ và tên: Lê Thanh Cường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1976

Nơi sinh: An Nhơn, Bình Định

CMND: 211652558, ngày cấp: 12/01/2015, nơi cấp: CA Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 22 Hà Huy Tập, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

ĐT liên lạc ở cơ quan: 0256 3946779

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kế toán - Tài chính

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Các chức vụ hiện đang nắm tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm 0,028% vốn điều lệ, trong đó :

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu: 3.500 cổ phần

*b) Những thay đổi trong Ban điều hành:*

Trong năm 2017, Ban điều hành Công ty có sự thay đổi nhân sự (giảm 01 Phó Giám đốc Công ty do đã đến tuổi nghỉ hưu).

*c) Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động:*

Tổng số lao động chính thức của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là: 381 người, cơ cấu lao động theo chức năng quản lý và trình độ được thể hiện ở bảng sau:



TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo chức năng quản lý</b>		
1	Ban Giám đốc	3	0,79
2	Lãnh đạo Phòng ban, Phân xưởng	33	8,66
3	Cán bộ, nhân viên văn phòng	84	22,05
4	Công nhân	242	63,52
5	Tạp vụ, bảo vệ, lái xe	15	3,94
6	Hợp đồng gửi giữ tài sản	4	1,04
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>381</b>	
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>CBCNV làm việc văn phòng</b>	<b>Công nhân trực tiếp sản xuất</b>
1	Trên Đại học	7	0
2	Đại học	95	74
3	Trung cấp, Cao đẳng	6	97
4	Khác	2	100
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110</b>	<b>271</b>

- Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội và các chế độ ốm đau, thai sản theo qui định của Nhà nước hiện hành.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

##### a.1. Đầu tư tài sản cố định:

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án:

- Đầu tư xây dựng trạm bơm giếng Tân An, Nhơn Thành.

- Cải tạo một số tuyến ống cấp nước:

+ Tuyến ống cấp nước D250 đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Ý Lan đến Trần Cao Vân);

- + Tuyến ống cấp nước HDPE D63 tổ 7 khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân;
- + Tuyến ống cấp nước D200, D250 Diêu Trì;
- + Tuyến ống cấp nước HDPE cấp nước cho khu TĐC Đê Đông;
- + Tuyến ống cấp nước HDPE D110-63 khu đô thị mới phường Đập Đá;
- + Hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2 (mở rộng về phía Nam);
- + Tuyến ống cấp nước D110-63 Đội 1 Phú Thành và D63 hẻm 41-63 Trương Văn Đa;
- Lập thủ tục đầu tư các dự án nhằm mở rộng vùng phục vụ và đảm bảo lưu lượng, áp lực cung cấp cho các đối tượng sử dụng như:
  - + Dự án Đầu tư xây dựng Trạm bơm tăng áp cấp nước cho khu dân cư Bông Hồng, phường Ghềnh Ráng;
  - + Dự án Đầu tư và cải tạo tuyến ống cấp nước qua cầu Thị Nại;
  - + Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho các điểm du lịch dọc tuyến Quy Nhơn-Sông Cầu và các khu dân cư KV 1+2 phường Ghềnh Ráng;
  - + Đề án khoan thăm dò nguồn nước nâng công suất nhà máy xử lý nước Bình Định từ 1.550m<sup>3</sup>/ng.đêm lên 2.900m<sup>3</sup>/ng.đêm;
  - + Đề án khảo sát, thăm dò nguồn nước phục vụ nâng công suất Nhà máy XLN thị trấn Bồng Sơn-Tam Quan từ 3.850m<sup>3</sup>/ng.đêm lên 7.700m<sup>3</sup>/ng.đêm;
  - + Đề án khảo sát, thăm dò nguồn nước ngầm khu vực Tân An (sông Côn) với lưu lượng 2.900m<sup>3</sup>/ng.đêm bổ sung nguồn nước phục vụ cho Nhà máy XLN Phú Tài.

a.2. Đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn): không có.

b) Công ty con, công ty liên kết: không có

#### 4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>Tổng tài sản</b>	405.289.240.261	384.398.685.951
<b>Doanh thu thuần</b>	138.493.223.233	159.931.695.116
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	11.896.339.054	7.826.810.095

Lợi nhuận khác	1.841.635.941	623.343.113
Lợi nhuận sau thuế	10.961.098.396	6.726.951.166
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,00%	3,50%

- Tỷ lệ cổ tức năm 2017 là 3,5% (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017), tương ứng với số tiền: 4.343.780.000 đồng, trong đó: từ lợi nhuận năm 2017 là: 3.363.476.166 đồng và lợi nhuận còn lại của các năm trước là: 980.303.834 đồng

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn	Lần	1,59	1,46	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
<u>Tài sản lưu động - Hàng tồn kho</u>	Lần	1,20	1,14	
Nợ ngắn hạn				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>				
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,63	0,61	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,73	1,59	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	5,32	7,79	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,34	0,42	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	7,91	4,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	7,38	4,54	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,70	1,75	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	8,59	4,89	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:***a) Cổ phần:*

- Tổng số lượng cổ phần: **12.410.800** Cổ phần

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.139.500 cổ phiếu

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 271.300 cổ phiếu

*b) Cơ cấu cổ đông:*

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>390</b>	<b>12.404.983</b>	<b>99,95%</b>
1	Tổ chức	2	11.075.743	89,24%
	- Cổ đông Nhà nước	1	7.985.612	64,34%
	- Cổ đông khác	1	3.090.131	24,9%
2	Cá nhân	388	1.329.240	10,71%
<b>II.</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>4</b>	<b>5.817</b>	<b>0,05%</b>
1	Tổ chức	0	0	0,00%
2	Cá nhân	4	5.817	0,05%
	<b>Cộng</b>	<b>394</b>	<b>12.410.800</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 15/6/2017)

*c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.*

*d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.*

*e) Các chứng khoán khác: Không.*

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

*a) Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:*

Trong năm 2017, Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định đã hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh. Ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

**Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2017**

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng doanh thu	Triệu đồng	147.300	163.696	111%
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	135.650	155.246	114%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.650	8.450	73%

*b) Những kết quả công ty đã đạt được:*

Đã triển khai thực hiện tốt công tác sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ nhân dân trên địa bàn TP-Quy Nhơn và khu vực 09 thị trấn trong tỉnh ổn định với lưu lượng bình quân: 60.630m<sup>3</sup>/ng.đêm và áp lực bình quân: 1,5kg/cm<sup>2</sup> - 2,0kg/cm<sup>2</sup>, chất lượng nước đảm bảo theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Cụ thể:

**b.1. Công tác phát triển hệ thống cấp nước**

- Đối với khu vực TP-Quy Nhơn: Hệ thống cấp nước sinh hoạt mở rộng về phía Nam thuộc công trình khu Tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2, TP-Quy Nhơn; Hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc công trình Nhà máy Hoa Sen Nhơn Hội; Tổ 54, 55, 57 khu vực 7 phường Nhơn Bình và khu Tái định cư Đê Đông; Tổ 7 khu vực 7 phường Bùi Thị Xuân. Tổng chiều dài mạng lưới đường ống phát triển là 9,90km.

- Đối với khu vực 09 thị trấn: Tuyến ống HDPE D63 cấp nước cho khu dân cư tổ 9 Liêm Trục và tổ 1, 2 khu Kim Châu; khu dân cư Đô thị mới phường Đập Đá; khu dân cư đội 7, Châu Thành và khu dân cư Đội 1 Phú Thành, phường Nhơn Thành; Tuyến ống HDPE D63 cấp nước cho khu dân cư phía Đông đường QL1A (đoạn từ Km1138+821 đến Km1139+700 và đoạn từ Km1136+683 đến Km1137+562); Lắp mới tuyến ống HDPE D63 cấp nước cho nhân dân thôn Đệ Đức 2, xã Hoài Tân; thôn Phụng Hóa-Phụng Hòa, xã Hoài Hảo; khối 9, thị trấn Tam Quan; thôn Du Tự, thị trấn Tăng Bạt Hổ. Tổng chiều dài mạng lưới đường ống phát triển là 21,13km.

- Thực hiện các công trình nhằm đảm bảo nguồn nước thô cung cấp cho TP-Quy Nhơn và 09 thị trấn như: Đầu tư xây dựng trạm bơm giếng TA6 và TA9A Tân An, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định; Đầu tư xây dựng trạm bơm giếng

Nhà máy xử lý nước Nhơn Thành, thị xã An Nhơn; Đầu tư xây dựng Trạm bơm giếng TP1A và TP3 cho Nhà máy xử lý nước Tuy Phước.

- Trong năm 2017, đã thực hiện ký hợp đồng lắp đặt hệ thống cấp nước sạch khách hàng với tổng số 4.674 hợp đồng, trong đó: khu vực TP-Quy Nhơn 2.915 hợp đồng, Xí nghiệp cấp nước số 1: 984 hợp đồng và Xí nghiệp cấp nước số 2: 775 hợp đồng, nâng tổng số hợp đồng sử dụng nước trong toàn Công ty đến cuối năm 2017 là: 95.254 hợp đồng. Trong đó: khu vực TP-Quy Nhơn: 67.705 hợp đồng; Xí nghiệp cấp nước số 1: 13.867 hợp đồng; Xí nghiệp cấp nước số 2: 13.682 hợp đồng.

#### b.2. Công tác di dời hệ thống đường ống cấp nước

- Di dời tuyến ống cấp nước D150 cầu Hà Thanh và HDPE D63 đường Nguyễn Thi - Bà Huyện Thanh Quan.

- Thi công lắp đặt thay thế tuyến ống cấp nước uPVC D250 Trần Hưng Đạo đoạn từ Ý Lan đến Trần Cao Vân.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương các cấp, đơn vị thi công sửa chữa, hạ cao độ các tuyến ống phục vụ lát vỉa hè, mở rộng lòng lề đường tại TP-Quy Nhơn; tại các thị trấn như phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn Thành và thị trấn Tuy Phước do thi công mở rộng Tỉnh lộ 640, Quốc lộ 19.

#### b.3. Công tác kiểm tra vệ sinh môi trường, giám sát chất lượng nước

- Thực hiện công tác nội kiểm tại các trạm giếng bơm, nhà máy xử lý nước, trạm bơm tăng áp của Công ty và 02 Xí nghiệp theo Thông tư số 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế.

- Kiểm tra việc thực hiện quản lý rác thải, chất thải nguy hại tại Công ty và 02 Xí nghiệp theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện công tác lấy mẫu nước thành phẩm định kỳ tại Nhà máy XLN Hà Thanh, các nhà máy xử lý nước và trên mạng lưới phân phối trên địa bàn TP-Quy Nhơn và 02 Xí nghiệp theo kế hoạch để giám sát chất lượng nước sạch đạt các chỉ tiêu theo QCVN 01:2009/BYT.

- Đã được Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ Khoa học Công nghệ công nhận 21 chỉ tiêu xét nghiệm mẫu nước do Công ty thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2005.

- Áp dụng giải pháp sử dụng bổ sung hóa chất PAC, vôi xử lý nước nhằm nâng cao chất lượng nước tại Nhà máy XLN Phú Tài.

- Thực hiện công tác súc xả định kỳ và đột xuất các khu vực nước đục cục bộ.



b.4. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng; công tác chống thất thu, thất thoát nước

- Thực hiện công tác cấp nước an toàn và triển khai phương án cấp nước mùa hè trên địa bàn TP-Quy Nhơn và khu vực 09 thị trấn trong tỉnh; xây dựng kế hoạch giám sát kiểm tra kỹ thuật định kỳ hệ thống cấp nước, súc rửa bể chứa và các tuyến ống cấp nước; thay cát lọc tại Nhà máy xử lý nước Phú Tài theo kế hoạch định kỳ và đột xuất; đã tiến hành thổi rửa, thay thế và bảo dưỡng máy bơm 09 trạm bơm giếng tại bãi giếng Tân An, 18 giếng bơm, 09 Trạm trạm cấp 2 tại các Xí nghiệp và khắc phục kịp thời sự cố 02 giếng bơm Tân An.

- Thường xuyên kiểm tra áp lực mạng lưới đường ống vào giờ cao điểm và thấp điểm; Sửa chữa kịp thời 2.785 điểm bể vỡ đường ống từ D50 trở xuống (giảm 303 điểm so với năm 2016), 102 điểm bể vỡ đường ống từ D80 trở lên (tăng 20 điểm so với năm 2016). Các điểm bể vỡ tăng do thi công hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và nâng cấp mở rộng các tuyến đường.

- Đầu tư thay thế 11.229 đồng hồ nước sử dụng trên 05 năm (khu vực TP-Quy Nhơn: 8.003 cái, Xí nghiệp Cấp nước số 1: 1.533 cái, Xí nghiệp Cấp nước số 2: 1.693 cái) để giữ tỉ lệ thất thoát 19,24% đối với TP-Quy Nhơn; 11,89% đối với Xí nghiệp Cấp nước số 1 và 11,88% đối với Xí nghiệp Cấp nước số 2. Tỉ lệ thất thoát của Công ty hiện nay đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính-Bộ Xây dựng-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khối lượng nước thất thu, thất thoát đối với mạng cấp nước có thời gian xen lẫn (gồm cả mạng cấp nước dưới 10 năm và mạng cấp nước từ 10 năm trở lên) là 27%.

- Kiểm tra, giám sát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống van giảm áp và đường ống cấp nước bị hư hỏng; lắp đặt 07 van chặn và 20 nắp chụp van; thay thế 07 trụ cứu hỏa bị hư hỏng; chống thất thu thất thoát 04 khu vực lắp đồng hồ tổng.

b.5. Công tác quản lý, chăm sóc khách hàng

- Phối hợp với Công ty phần mềm Vector xây dựng phần mềm Quản lý khách hàng; áp dụng giá bán nước máy, phí bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước năm 2017 và kiểm tra hóa đơn tiền nước theo giá mới năm 2017.

- Triển khai ứng dụng ghi chỉ số đồng hồ nước bằng điện thoại di động viết trên hệ điều hành Android cho công nhân ghi thu của Công ty và 02 Xí nghiệp.

- Theo dõi nhu cầu dùng nước trong thành phố để lập kế hoạch điều tiết lượng nước mua qua đồng hồ tổng của Công ty Senco.

- Phối hợp triển khai thi công di dời tuyến ống cấp nước dọc Quốc lộ 1D, Quốc lộ 19 và bảo vệ ống D500, D400 tại các vị trí thi công.

- Báo cáo công tác quản lý hệ thống cấp nước định kỳ theo yêu cầu của Cục Hạ tầng Kỹ thuật (Bộ Xây dựng), Cục quản lý Tài nguyên nước và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Định.

- Thực hiện tiếp thu, giải quyết kịp thời những ý kiến, kiến nghị của nhân dân trên địa bàn tỉnh về việc cung cấp nước, chất lượng nước tại các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân tỉnh.

#### b.6. Công tác an ninh, an toàn nguồn nước, PCCC

- Công ty luôn tuyên truyền, giáo dục CBCNV trong Công ty ý thức cảnh giác, giữ gìn và bảo vệ tài sản của Công ty. Tăng cường công tác bảo vệ tại các khu sản xuất. Các nội quy, quy định của Công ty đều được các bộ phận tuân thủ và thực hiện tốt.

- Xây dựng nội quy, quy định về quản lý máy móc, thiết bị điện; quản lý vật tư, tài sản và qui định chế độ trách nhiệm cho các bộ phận, cá nhân được giao giữ tài sản. Thường xuyên kiểm tra và xây dựng hoàn thiện hệ thống phương tiện bảo vệ như: tường rào, đèn chiếu sáng, bình chữa cháy, các loại công cụ, dụng cụ hỗ trợ. Các ngày Lễ, Tết trong năm, Công ty tăng cường CBCNV tham gia trực bảo vệ để đảm bảo công tác vệ sinh, an ninh nguồn nước, kịp thời sản xuất và cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn TP-Quy Nhơn và 09 thị trấn trong tỉnh.

- Tại các phòng làm việc Công ty, các Xí nghiệp, các nhà kho, nhà xe, nhà máy xử lý nước Phú Tài, ..., đều được Công ty trang bị đầy đủ bình khí CO<sub>2</sub> và bảng tiêu lệnh chữa cháy để phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, trong năm 2017 Công ty không có trường hợp bị tai nạn lao động xảy ra.

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ (tại ngày 01/01/2017) là: 405.289 triệu đồng, cuối kỳ (tại ngày 31/12/2017) là: 384.399 triệu đồng.

Về nợ phải thu: Số dư nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2017 giảm 2,9% so với tại thời điểm 01/01/2017, chiếm 13,93% so với vốn điều lệ và bằng 4,5% so với tổng tài sản.

### b) Tình hình nợ phải trả:

Đến cuối năm tổng số nợ phải trả của Công ty là 236.173 triệu đồng, chiếm 61,44% so với tổng nguồn vốn. Trong nợ phải trả có vay dài hạn Ngân hàng Phát triển



Việt Nam - chi nhánh Bình Định (thực hiện dự án Cấp nước và vệ sinh thành phố Quy Nhơn (nguồn vốn vay ADB) và Dự án cấp nước 9 thị trấn Bình Định (nguồn vốn vay WB)) và Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định (lãi suất 0%, thực hiện dự án cấp nước KKT Nhơn Hội, khu TĐC Nhơn Phước, khu dân cư B đảo 1 Bắc sông Hà Thanh) 133.891 triệu đồng; trong kỳ Công ty thực hiện trả nợ gốc và lãi vay đúng theo khế ước vay.

Trong năm Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi vay.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

a) *Cải tiến về cơ cấu tổ chức:* Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch rõ ràng gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân đến các đơn vị trực thuộc.

b) *Cải tiến về chính sách, quản lý:* Trong năm Công ty triển khai các biện pháp quản lý công nợ phải thu, chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ liên quan chú trọng công tác thu hồi nợ, kịp thời đề xuất những biện pháp thu nợ, cuối năm soát xét các khoản công nợ phải thu khó đòi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Công ty tiếp tục đạt mục tiêu ổn định và phát triển doanh nghiệp dựa trên ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ 3 đến 4%/năm theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định lần thứ XV, nhiệm kỳ (2015-2020).

### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Trong năm 2017, Công ty thực hiện quản lý khai thác và tiêu thụ nguồn nước ngầm trên tinh thần tiết kiệm. Các hoạt động sản xuất nước sạch và thi công xây lắp hệ thống cấp nước không gây ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động như: công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và tay nghề cho CBCNV; Huấn luyện công tác ATVS lao động, trang cấp đầy đủ BHLĐ cho công nhân trực tiếp sản xuất; đảm bảo việc làm, thu nhập cho CBCNV; Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty phối hợp và quan hệ tốt với các đơn vị, cơ quan chức năng có liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất-kinh doanh của Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và của Ban điều hành:**

Trong năm 2017, Công ty đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ Công ty đề ra; đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đáng khích lệ, vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Cụ thể như sau:

###### *a) Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:*

- Sản lượng nước sản xuất: đạt 106,35% so với kế hoạch, tăng 7,67% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016.

- Sản lượng nước tiêu thụ: đạt 105,09% so với kế hoạch, tăng 6,7% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016.

- Tỷ lệ thất thoát nước: 17,81%, giảm 0,75% so với thực hiện năm 2016.

- Doanh thu hoạt động sản xuất nước: đạt 111,13% so với kế hoạch, tăng 15,32% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016.

- Công tác phát triển khách hàng: tăng 4.674 hợp đồng dịch vụ cấp nước so với năm 2016.

- Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước đảm bảo theo quy định của QCVN 01:2009/BYT.

###### *b) Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2017:*

Thực hiện vượt kế hoạch ĐHĐCĐ đã thông qua. Cụ thể:

- Tổng doanh thu: 163.696 triệu đồng; vượt 11% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: 8.450 triệu đồng; bằng 73% kế hoạch (kế hoạch 2017: lợi nhuận trước thuế 11.650 triệu đồng, đạt được trong điều kiện Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách phần chi phí tăng thêm khi mua nước qua đồng hồ tổng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định hoặc giá bán nước máy năm 2017 được điều chỉnh theo phương án giá nước đã tính đúng, tính đủ các khoản chi phí đầu vào. Năm 2017, UBND tỉnh chưa có cơ chế hỗ trợ phần chi phí tăng thêm do mua nước của Công ty Senco).

- Số phải nộp ngân sách: 37.575 triệu đồng (bao gồm cả thu hộ phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt và giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải).

- Tỷ lệ chia cổ tức: 3,5% (350 đồng/cổ phiếu), đạt 100% kế hoạch.

c) Về giám sát hoạt động của Ban điều hành:

+ Trong năm 2017, HĐQT thường xuyên chỉ đạo để Ban điều hành liên tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và định hướng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty, với mục tiêu khai thác tối đa mọi cơ hội, đảm bảo hiệu quả và an toàn trong kinh doanh.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và cụ thể hóa các quy định với việc ban hành các quy chế; thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thành lập Công ty đề ra; các nghị quyết của HĐQT Công ty.

+ HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính. Qua đó, đề ra những biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực của Công ty.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí và lưu chuyển tiền tệ. Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính cũng như các báo cáo thống kê của Công ty là trung thực, đúng quy định.

+ Ổn định công việc làm, thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động.

## 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a) Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Tổng doanh thu: 171.280 triệu đồng;

- Tổng chi phí: 162.780 triệu đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 8.500 triệu đồng;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ: 5,48%;

- Tỷ lệ cổ tức: 3,5%.

b) Các định hướng trong năm 2018:

- Triển khai thi công các dự án đã được thực hiện trong năm 2017:

+ Dự án Đầu tư xây dựng Trạm bơm tăng áp cấp nước cho khu dân cư Bông Hồng, phường Ghềnh Ráng.

+ Dự án Đầu tư và cải tạo tuyến ống cấp nước qua cầu Thị Nại.

+ Dự án Nâng công suất Nhà máy XLN Phú Tài thêm 6.000m<sup>3</sup>/ng.đêm.

+ Dự án Nâng công suất Nhà máy xử lý nước phường Bình Định, thị xã An Nhơn từ  $1.550\text{m}^3/\text{ng.đêm}$  lên  $2.900\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

- Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án nhằm tìm kiếm nguồn nước ngầm bổ sung cho Nhà máy XLN Phú Tài và mở rộng vùng phục vụ cấp nước cho các khu dân cư trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và 9 thị trấn như:

+ Đề án khảo sát, thăm dò nguồn nước phục vụ nâng công suất Nhà máy XLN thị trấn Bồng Sơn-Tam Quan từ  $3.850\text{m}^3/\text{ng.đêm}$  lên  $7.700\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

+ Đề án khảo sát, thăm dò nguồn nước ngầm khu vực Tân An (Sông Côn) với lưu lượng  $2.900\text{m}^3/\text{ng.đêm}$  bổ sung nguồn nước phục vụ cho Nhà máy XLN Phú Tài.

+ Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân và nhân dân KV7+8 phường Bùi thị Xuân, TP-Quy Nhơn.

- Di dời hệ thống đường ống cấp nước D150-100-50 ra khỏi phạm vi GPMB dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B), đoạn Km130+00 - Km137+580 do Ban GPMB tỉnh làm Chủ đầu tư.

+ Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho các điểm du lịch dọc tuyến Quy Nhơn-Sông Cầu và các khu dân cư KV 1+2 phường Ghềnh Ráng.

- Triển khai thi công tuyến ống gang D250 đường Trần Hưng Đạo - Phan Bội Châu, Tây Sơn - Nguyễn Thái Học và lắp đặt các đồng hồ tổng tại TP- Quy Nhơn và 02 Xí nghiệp.

- Thiết kế thi công tuyến ống gang D250-300 dọc Quốc lộ 19B và Trạm bơm tăng áp phục vụ cấp nước cho xã Nhơn Lý.

- Phối hợp với UBND TP-Quy Nhơn di dời tuyến ống D600, D200 từ cầu Sông Ngang đến ngã ba Ông Thọ để phục vụ nâng cấp mở rộng tuyến đường Hùng Vương.

- Thành lập Xí nghiệp nước tinh khiết đóng chai nhằm mục đích: đa dạng hóa sản phẩm; tăng doanh thu Công ty và giải quyết công việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV.

*c) Các khó khăn có thể ảnh hưởng:*

Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện mua nước sạch qua đồng hồ tổng từ Công ty TNHH MTV cấp nước Senco Bình Định theo Hợp đồng số 692/HĐ ngày 19/10/2016. Tổng chi phí phát sinh do mua nước sạch qua đồng hồ tổng của Công ty Senco năm 2018 dự kiến: 27,385 tỷ đồng.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:****1. Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số CP nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Châu (Trong đó: Đại diện vốn Nhà nước: 4.262.372 CP)	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	34,39%	4.269.172
2	Nguyễn Thị Mai Anh (Trong đó: Đại diện vốn Nhà nước: 3.723.240 CP)	Thành viên HĐQT không điều hành	30,00%	3.723.240
3	Lê Tiên Dũng	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc	0,05%	6.800
4	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc (nghỉ hưu 01/10/2017)	0,03%	3.200
5	Dương Tiên Dũng (Trong đó: Đại diện vốn của Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh: 3.090.131 CP)	Thành viên HĐQT không điều hành	29,90%	3.710.671

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị duy trì hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 phiên họp, tập trung vào các nội dung:

- Xây dựng, hoàn chỉnh và thông qua các quy chế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị.

- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 và kế hoạch năm 2017 của người lao động, Ban điều hành và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Định hướng mục tiêu để triển khai các dự án đầu tư tài sản cố định, các công trình mở rộng, nâng công suất hệ thống cấp nước của Công ty.

- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế

hoạch năm 2017, công tác chi trả cổ tức năm 2016 và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2017, phương án và hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

- Biểu quyết thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Đặng Đình Lâm để nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/10/2017.

- Tham gia định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

*d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:*

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành đã có những ý kiến tham gia rất tích cực trong các phiên họp HĐQT, góp phần định hướng công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

*e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* Không có.

*f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:* Không có.

## 2. Ban Kiểm soát:

*a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:*

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Quang Sáng	Trưởng ban	0%
2	Phan Thế Nga	Thành viên	0,006%
3	Huỳnh Thị Giao	Thành viên	0%

*b) Hoạt động của Ban kiểm soát:*

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

+ Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (triệu đồng/năm)

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao HĐQT/BKS	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	413,85	28,73		442,58
2	Đặng Đình Lân	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	261,22	17,23		278,45
3	Lê Tiên Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	347,63	22,98		370,61
4	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	5,75	82,93	88,68
5	Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	5,75	82,93	88,68
6	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	314,52	19,16		333,68
7	Nguyễn Quang Sáng	Trưởng Ban kiểm soát	0	5,75	74,64	80,39
8	Phan Thế Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	48,67	3,83	58,05	110,55
9	Huỳnh Thị Giao	Thành viên Ban Kiểm soát	0	3,83	58,05	61,88

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện quy định về quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:****1. Ý kiến kiểm toán:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Địa chỉ trụ sở chính TP. Hà Nội: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3783 2121 Fax: 024 3783 2122

Website: [www.cpavietnam.vn](http://www.cpavietnam.vn). *ngan*

**CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Châu*  
**Nguyễn Văn Châu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Đình Lưu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Dũng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Đình Lưu	Thành viên

CÁC BỘ KIỆN SẴN NGAY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày 31/12/2017, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Cấp thoát nước Bình Định đã hoàn thành công tác kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Đến ngày 31/12/2017, kiểm toán viên của Công ty TNHH Kế toán và CPA VIỆT NAM đã hoàn thành công tác kiểm toán và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**CÔNG TY**

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo quyết định số 512/QĐ - CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 3 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/5/2017 thay đổi về ngành nghề kinh doanh.

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO

Công ty có trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng quản trị**

**Chức vụ**

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Đặng Đình Lân	Ủy viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 01/10/2017
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Dương Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Châu	Giám đốc
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Đình Lân	Phó Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 01/10/2017

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành Viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens kiểm toán.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Văn Châu  
Giám đốc

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Số: 95/2018/ BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định được lập ngày 30/01/2018, từ trang 05 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh 5.14 mục c trong thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang tạm trích cổ tức 3,5% trên vốn điều lệ, trong đó trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 3.363.476.166 đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2016 trở về trước là 980.303.834 đồng theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28/04/2017 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/BB-HĐQT ngày 26/01/2018.




---

**Phan Thanh Nam**
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của chủ tịch HĐQTV*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**
*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2018*


---

**Nguyễn Thị Mai Hoa**
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>67.725.008.842</b>	<b>71.176.683.792</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>35.546.635.895</b>	<b>35.639.455.130</b>
1. Tiền	111		2.338.788.783	5.434.579.491
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.207.847.112	30.204.875.639
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.122.001.268</b>	<b>17.635.505.456</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.226.308.560	14.307.415.687
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		282.226.000	504.432.200
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.746.176.252	2.904.647.958
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(132.709.544)	(80.990.389)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>14.916.512.727</b>	<b>17.582.710.982</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.916.512.727	17.582.710.982
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>139.858.952</b>	<b>319.012.224</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	91.273.528	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.585.424	319.012.224
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>316.673.677.109</b>	<b>334.112.556.469</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>168.017.511</b>	<b>168.017.511</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	168.017.511	168.017.511
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>294.401.374.485</b>	<b>315.222.607.005</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	294.342.826.098	315.104.058.618
- Nguyên giá	222		607.260.532.652	588.492.312.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.917.706.554)	(273.388.254.235)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	58.548.387	118.548.387
- Nguyên giá	228		180.000.000	180.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.451.613)	(61.451.613)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.495.531.965</b>	<b>1.577.302.003</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.495.531.965	1.577.302.003
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.608.753.148</b>	<b>17.144.629.950</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	20.608.753.148	17.144.629.950
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>384.398.685.951</b>	<b>405.289.240.261</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>236.173.346.292</b>	<b>256.837.005.768</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.241.033.452</b>	<b>44.825.597.928</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	4.614.186.008	3.432.648.640
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385.090.543	174.961.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.121.474.913	964.813.694
4. Phải trả người lao động	314		9.372.337.343	11.204.753.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	418.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	6.282.794.297	4.340.908.766
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	19.743.944.000	19.743.944.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.721.206.348	4.545.067.854
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>189.932.312.840</b>	<b>212.011.407.840</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	75.695.572.719	78.030.723.719
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	114.236.740.121	133.980.684.121
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>148.225.339.659</b>	<b>148.452.234.493</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>127.893.409.597</b>	<b>129.442.098.431</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.108.000.000	124.108.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.108.000.000	124.108.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.285.674.839	1.612.979.839
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.499.734.758	3.721.118.592
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.499.734.758	722.729.196
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	2.998.389.396
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>20.331.930.062</b>	<b>19.010.136.062</b>
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.15	20.331.930.062	19.010.136.062
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>384.398.685.951</b>	<b>405.289.240.261</b>

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Giám đốc



Nguyễn Văn Châu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	160.144.270.535	138.534.777.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	212.575.419	41.554.159
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.19	159.931.695.116	138.493.223.233
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	126.516.372.839	99.820.146.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33.415.322.277	38.673.076.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	1.077.818.284	666.704.858
7. Chi phí tài chính	22	5.22	4.771.844.165	5.402.409.020
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.771.844.165	5.402.409.020
8. Chi phí bán hàng	25	5.23	9.090.544.826	9.272.224.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	12.803.941.475	12.768.809.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.826.810.095	11.896.339.053
11. Thu nhập khác	31	5.24	2.686.117.004	2.785.246.332
12. Chi phí khác	32	5.25	2.062.773.891	943.610.390
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		623.343.113	1.841.635.942
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.450.153.208	13.737.974.995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	1.723.202.042	2.776.876.599
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.726.951.166	10.961.098.396
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	325	530

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Nguyễn Hạnh Lan




Lê Thanh Cường

Nguyễn Văn Châu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số TM</b>	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	201.782.971.886	192.078.745.106
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(82.614.987.814)	(68.617.641.613)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(37.381.894.193)	(29.335.589.519)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.935.955.165)	(5.402.409.020)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(1.738.622.435)	(2.639.829.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.157.051.650	8.930.285.721
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(48.827.634.341)	(49.554.465.038)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>30.440.929.588</b>	<b>45.459.095.724</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.186.259.059)	(856.448.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	272.727	1.642.753.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.117.742.430	637.085.778
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.068.243.902)</b>	<b>1.423.390.778</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.743.944.000)	(18.151.632.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.721.560.921)	(1.846.289.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.465.504.921)</b>	<b>(19.997.921.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(92.819.235)</b>	<b>26.884.565.102</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>35.639.455.130</b>	<b>8.754.890.028</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60)</b>	<b>70</b>	<b>35.546.635.895</b>	<b>35.639.455.130</b>

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



**Trần Nguyễn Hạnh Lan**

Kế toán trưởng



**Lê Thanh Cường**

Giám đốc



**Nguyễn Văn Châu**

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo quyết định số 512/QĐ - CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 3 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/5/2017 thay đổi về ngành nghề kinh doanh.

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 là: 124.108.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai tỷ, một trăm linh tám triệu đồng chẵn).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (chi tiết: Duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn; hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế công trình cấp thoát nước; giám sát lắp đặt thiết bị công trình cấp thoát nước; tư vấn lập dự án đầu tư);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước);
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Xây dựng nhà các loại (chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: sản xuất và kinh doanh nước sạch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)**

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Xí nghiệp 1	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp 2	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp)

###### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

###### *b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
	(năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, được khấu hao trong thời gian 03 năm.

###### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước là chi phí đầu nối và duy trì đầu nối bao gồm giá trị đồng hồ nước xuất dùng, chi phí nhân công, chi phí vật tư lắp đặt... đang được Công ty phân bổ từ 03 đến 05 năm căn cứ theo các văn bản sau:

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

###### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Quỹ tiền lương**

Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là: 1.693 triệu đồng được xác định theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Quỹ tiền lương của người lao động là: 30.439 triệu đồng được xác định theo đơn giá tiền lương đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Quỹ tiền lương xây lắp tự làm là: 7.357 triệu đồng được quyết toán theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu B09- DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.446.501	988.343
Tiền gửi ngân hàng	2.337.342.282	5.433.591.148
Các khoản tương đương tiền	33.207.847.112	30.204.875.639
<b>Tổng</b>	<b>35.546.635.895</b>	<b>35.639.455.130</b>

**5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Phòng kinh doanh (quản lý khách hàng) - Tiền nước phải thu- KV Quy Nhơn	9.923.968.838	8.560.448.156
- Xí nghiệp cấp nước số 1 (quản lý khách hàng) - Tiền nước phải thu	968.298.403	956.687.634
- Xí nghiệp cấp nước số 2 (quản lý khách hàng) - Tiền nước phải thu	1.058.513.254	913.995.286
- Ban quản lý công trình giao thông	952.988.000	2.283.922.000
- Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định	758.877.000	337.882.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.563.663.065	1.254.480.611
<b>Tổng</b>	<b>15.226.308.560</b>	<b>14.307.415.687</b>

**5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.746.176.252</b>	-	<b>2.904.647.958</b>	-
- Tạm ứng	45.500.000	-	1.057.506.266	-
- Phải thu khác	1.700.676.252	-	1.847.141.692	-
	1.381.793.736		1.505.650.546	
Tạm ứng vật tư sản xuất kinh doanh:				
- <i>Tổng Văn Danh-QLXD-Vật tư</i>	320.777.637	-	410.651.696	-
- <i>Phạm Ngọc Tân-XN1-Vật tư</i>	559.149.381	-	459.678.354	-
- <i>Bùi Quang Tú-XN2-Vật tư</i>	231.825.703	-	635.320.496	-
- <i>Võ Văn Đức - Vật tư</i>	266.740.560	-	-	-
- <i>Đối tượng khác - vật tư</i>	3.300.455	-	-	-
Tuyển ống cấp nước D100 Cảng hàng không Phù Cát	233.038.049		233.038.049	
Đối tượng khác	85.844.467	-	108.453.097	-
<b>Dài hạn</b>	<b>168.017.511</b>	-	<b>168.017.511</b>	-
- Phải thu khác	168.017.511	-	168.017.511	-
- <i>Ban quản lý DA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn</i>	168.017.511	-	168.017.511	-
<b>Tổng</b>	<b>1.914.193.763</b>	-	<b>3.072.665.469</b>	-

**5.4 DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tiền nước không thu hồi được của khách hàng	96.353.607	-	44.634.452	-
Tiền công trình - Công ty CP Phát triển Xây dựng Bình Định	36.355.937	-	36.355.937	-
<b>Tổng</b>	<b>132.709.544</b>	<b>-</b>	<b>80.990.389</b>	<b>-</b>

**5.5 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.111.556.678	-	15.970.939.313	-
Công cụ, dụng cụ	196.419.407	-	167.561.997	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	608.536.642	-	1.444.209.672	-
<b>Tổng</b>	<b>14.916.512.727</b>	<b>-</b>	<b>17.582.710.982</b>	<b>-</b>

**5.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>91.273.528</b>	<b>-</b>
Chi phí khác	91.273.528	-
<b>Dài hạn</b>	<b>20.608.753.148</b>	<b>17.144.629.950</b>
Chi phí thay thế thiết bị	2.117.778.251	96.878.758
Chi phí thay thế đồng hồ năm 2014-2017	9.803.175.980	8.846.958.136
Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2014-2017	8.618.495.031	8.200.793.056
Chi phí cấp phép khai thác nước	69.303.886	-
<b>Tổng</b>	<b>20.700.026.676</b>	<b>17.144.629.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.7 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Mẫu B09 - DN

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	52.202.458.779	30.825.606.957	504.264.709.171	935.292.226	264.245.720	588.492.312.853
Tăng trong năm	1.235.173.780	6.655.751.506	11.602.284.085	32.272.727	-	19.525.482.098
Mua sắm	-	283.989.000	-	32.272.727	-	316.261.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.235.173.780	6.371.762.506	11.548.441.085	-	-	19.155.377.371
Nhận bàn giao tài sản	-	-	53.843.000	-	-	53.843.000
Giảm trong năm	291.362.510	-	424.297.971	41.601.818	-	757.262.299
Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	291.362.510	-	424.297.971	41.601.818	-	757.262.299
Số dư tại 31/12/2017	53.146.270.049	37.481.358.463	515.442.695.285	925.963.135	264.245.720	607.260.532.652
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	26.004.447.511	18.832.550.608	227.687.494.320	726.809.190	136.952.606	273.388.254.235
Tăng trong năm	4.028.097.823	4.086.414.790	31.718.598.048	129.676.526	46.314.744	40.009.101.931
Khấu hao trong năm	4.028.097.823	4.086.414.790	31.718.598.048	129.676.526	46.314.744	40.009.101.931
Giảm trong năm	115.510.194	-	323.585.347	40.554.071	-	479.649.612
Giảm do thanh lý, tháo dỡ	115.510.194	-	323.585.347	40.554.071	-	479.649.612
Số dư tại 31/12/2017	29.917.035.140	22.918.965.398	259.082.507.021	815.931.645	183.267.350	312.917.706.554
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2017	26.198.011.268	11.993.056.349	276.577.214.851	208.483.036	127.293.114	315.104.058.618
Số dư tại 31/12/2017	23.229.234.909	14.562.393.065	256.360.188.264	110.031.490	80.978.370	294.342.826.098

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2017 là: 13.409.891.016 đồng

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2017	180.000.000	180.000.000
Tăng trong năm	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư tại 01/01/2017	61.451.613	61.451.613
Tăng trong năm	60.000.000	60.000.000
Khấu hao trong năm	60.000.000	60.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>121.451.613</b>	<b>121.451.613</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2017	118.548.387	118.548.387
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>58.548.387</b>	<b>58.548.387</b>

5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TT Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	104.886.236	104.886.236
Lắp đặt HTCN cho khách hàng bằng NVCT	-	165.014.149
Nhà máy xử lý nước phường Nhơn Thành	-	800.948.129
Nhà máy Xử lý nước phường Bình Định	362.079.091	-
Tuyến ống D110 cấp nước cho KDC Bà Canh	625.015.229	-
Lắp đặt hệ thống súc xả tuyến ống nước thô D600 bãi giếng Tân An	179.062.407	-
Các công trình khác	224.489.002	506.453.489
<b>Tổng</b>	<b>1.495.531.965</b>	<b>1.577.302.003</b>

5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	4.614.186.008	4.614.186.008	3.432.648.640	3.432.648.640
Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định	4.104.229.500	4.104.229.500	2.773.260.000	2.773.260.000
Các đối tượng khác	509.956.508	509.956.508	659.388.640	659.388.640
<b>Tổng</b>	<b>4.614.186.008</b>	<b>4.614.186.008</b>	<b>3.432.648.640</b>	<b>3.432.648.640</b>

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>964.813.694</b>	<b>37.574.626.940</b>	<b>37.147.439.921</b>	<b>1.121.474.913</b>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	2.196.941.558	1.926.415.758	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.637.291	1.723.202.042	1.738.622.435	258.216.898
Thuế thu nhập cá nhân	48.019.995	205.802.114	184.819.207	69.002.902
Thuế tài nguyên	144.523.050	2.113.784.240	2.030.378.540	227.928.750
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	17.320.763	17.320.763	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác,	498.633.358	31.317.576.223	31.249.883.218	566.326.363
<i>Giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải - KV Quy Nhơn</i>	-	28.403.601.630	27.890.683.117	512.918.513
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	498.633.358	2.908.974.593	3.354.200.101	53.407.850
<i>Thuế môn bài</i>	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>964.813.694</b>	<b>37.574.626.940</b>	<b>37.147.439.921</b>	<b>1.121.474.913</b>

5.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.282.794.297</b>	<b>4.340.908.766</b>
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	6.282.794.297	4.340.908.766
<i>Phí bảo vệ môi trường</i>	73.592.258	1.620.393.046
<i>Cổ tức phải trả</i>	4.350.776.750	2.487.477.671
<i>Tiền dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải</i>	1.625.387.240	-
<i>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	233.038.049	233.038.049
<b>Dài hạn</b>	<b>75.695.572.719</b>	<b>78.030.723.719</b>
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	75.695.572.719	78.030.723.719
<i>BQLDA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn(*)</i>	64.070.190.593	64.070.190.593
<i>Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn</i>	2.554.173.704	2.554.173.704
<i>Ban QLDA Vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn</i>	-	495.376.000
<i>Ngân hàng Phát triển Bình Định</i>	9.071.208.422	10.138.408.422
<i>Ban QLDA đầu tư và xây dựng Quy Nhơn</i>	-	772.575.000
<b>Tổng</b>	<b>81.978.367.016</b>	<b>82.371.632.485</b>

(\*) Tài sản cố định nhận bàn giao từ BQLDA cấp nước và vệ sinh TP Quy Nhơn đang chờ dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành để ghi tăng nguồn vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Mẫu B09 - DN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000	19.743.944.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 110 tỷ (1)	7.336.450.000	7.336.450.000	7.336.450.000	7.336.450.000	7.336.450.000	7.336.450.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 13 tỷ (2)	703.008.000	703.008.000	703.008.000	703.008.000	703.008.000	703.008.000
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 2 (4)	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhơn Hội (5)	6.588.000.000	6.588.000.000	6.588.000.000	6.588.000.000	6.588.000.000	6.588.000.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhơn Phước (6)	606.000.000	606.000.000	606.000.000	606.000.000	606.000.000	606.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	133.980.684.121	133.980.684.121	-	19.743.944.000	114.236.740.121	114.236.740.121
<i>Từ 60 tháng trở lên</i>	133.980.684.121	133.980.684.121	-	19.743.944.000	114.236.740.121	114.236.740.121
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 110 tỷ (1)	62.359.885.600	62.359.885.600	-	7.336.450.000	55.023.435.600	55.023.435.600
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh TP Quy Nhơn - khoản 13 tỷ (2)	6.327.091.721	6.327.091.721	-	703.008.000	5.624.083.721	5.624.083.721
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	46.958.745.000	46.958.745.000	-	4.414.486.000	42.544.259.000	42.544.259.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 2 (4)	613.264.000	613.264.000	-	96.000.000	517.264.000	517.264.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhơn Hội (5)	14.788.697.800	14.788.697.800	-	6.588.000.000	8.200.697.800	8.200.697.800
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhơn Phước (6)	2.933.000.000	2.933.000.000	-	606.000.000	2.327.000.000	2.327.000.000
<b>Tổng</b>	<b>153.724.628.121</b>	<b>153.724.628.121</b>	<b>19.743.944.000</b>	<b>39.487.888.000</b>	<b>133.980.684.121</b>	<b>133.980.684.121</b>

5.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Ghi Chú:

- (1) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.102 ngày 18/6/2008 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 110.046.760.600 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 5%/năm (bao gồm phí quản lý 0,2%), lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;
- (2) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.050 ngày 11/01/2010 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 13.708.675.721 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 0%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;
- (3) Khế ước nhận nợ khung vay nguồn vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ngày 10/10/2006, với số tiền vay là 5.323.312 USD, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất vay 3%/năm, phí cho vay 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước 9 thị trấn tỉnh Bình Định theo Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Bình Định tháng 4/2006.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 901.264.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 02/2012. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B - Đào 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2).

Phụ lục Hợp đồng số: 03/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 114 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 02/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: 3 tháng.

- (5) Hợp đồng vay vốn số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 34.552.697.800 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 01/2012. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 02/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006: thời hạn cho vay: 160 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: 1/2015. Thời hạn trả nợ gốc: 63 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

- (6) Hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTD và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 4.650.000.000 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 04/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 28/02/2008: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 92 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 3/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.



5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của nhà nước	79.856.120.000	79.856.120.000
Các cổ đông khác, trong đó:	44.251.880.000	44.251.880.000
Ông Dương Tiến Dũng	6.205.400.000	6.205.400.000
Công ty CP cấp thoát nước Thủy Anh	30.901.310.000	30.901.310.000
Các cổ đông khác	7.145.170.000	7.145.170.000
<b>Tổng</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>124.108.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu B09 - DN

**5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**b. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Tổng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	124.108.000.000	516.869.839	722.729.196	125.347.599.035
- Lãi trong năm	-	-	10.961.098.396	10.961.098.396
- Phân phối quỹ	-	1.096.110.000	(5.480.549.000)	(4.384.439.000)
- Chia cổ tức	-	-	(2.482.160.000)	(2.482.160.000)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>1.612.979.839</b>	<b>3.721.118.592</b>	<b>129.442.098.431</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	124.108.000.000	1.612.979.839	3.721.118.592	129.442.098.431
Lãi trong năm	-	-	6.726.951.166	6.726.951.166
Phân phối quỹ	-	672.695.000	(3.363.475.000)	(2.690.780.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.584.860.000)	(5.584.860.000)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>124.108.000.000</b>	<b>2.285.674.839</b>	<b>1.499.734.758</b>	<b>127.893.409.597</b>

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28/04/2017 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/BB-HĐQT ngày 26/01/2018, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển là 672.695.000 đồng
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 2.690.780.000 đồng
- Chia cổ tức là 3.363.476.166 đồng

**5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

*c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	124.108.000.000	124.108.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	124.108.000.000	124.108.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.721.560.921	1.856.302.329
Cổ tức tạm trích năm 2017(*)	4.343.780.000	2.482.160.000

(\*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28/04/2017 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/BB-HĐQT ngày 26/01/2018, Công ty tạm trích cổ tức 3,5% trên vốn điều lệ, trong đó trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 3.363.476.166 đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2016 trở về trước là 980.303.834 đồng.

*d. Cổ phiếu*

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.410.800	12.410.800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.410.800	12.410.800
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.410.800	12.410.800
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.15 NGUỒN KINH PHÍ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản cố định nhận bàn giao từ UBND tỉnh Bình Định	20.331.930.062	19.010.136.062
<b>Tổng</b>	<b>20.331.930.062</b>	<b>19.010.136.062</b>

**5.16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.16.1 TÀI SẢN NHẬN GIỮ HỘ**

Căn cứ theo văn bản số 605/UB-CN ngày 28/3/2002 về việc phê duyệt giá trị tài sản ống nước và phụ kiện kèm theo đã cấp cho nhà máy nước Phú Phong nay chuyển giao cho Công ty Cấp thoát nước Bình Định, tài sản nhận giữ hộ chi tiết như sau:

STT	Tên vật tư	Quy cách	Tình trạng	Đơn vị tính	Số lượng
1	<b>Bơm và phụ kiện</b> 1. Bơm 2 cửa hút ngang và phụ tùng thay thế 2. Vòng bít SP 3. Ó cầu trục SP 4. Ống lồng trục SP 5. Vò SP (vòng bi)	Q=500m <sup>3</sup> /h; H=50; P=110	Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường	Bộ Bộ Bộ Bộ Bộ	3 6 3 3 3
2	<b>Phụ kiện theo bộ</b> 1. 01 Bộ bích đồng hồ, Roang, Bu lon và đai ốc đầu hút (cỡ M24), đầu xả (cỡ M22) 2. 6 bu lon móng (cỡ M22) 3. 1 đồng hồ đo hợp chất và 1 đồng hồ đo áp lực.1 máy 4. 1 bộ dụng cụ đặc biệt cho mỗi mã hiệu gồm: 01 cờ lê, 01 cờ lê móc, 01 cục đệm đế		Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường	Bộ Cái Bộ Bộ	3 18 3 1
3	<b>Bơm trục đứng và các phụ kiện rời</b> 1. Ó trục bơm SP 2. Vòng bít SP 3. Vòng đệm chữ O-SP 4. Tăm chác các	Q=200m <sup>3</sup> /h; H=50; P=45	Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường	Bộ Bộ Bộ Bộ	2 2 4 2
4	<b>Phụ kiện theo bộ</b> 1. 01 bộ bích đồng hồ, Roang, Bu lon và đai ốc 2. 1 đồng hồ đo hợp chất có vòi 3. 2 cục điện có cấp 18,25m 4. 4 bu lon móng cỡ M24 5. 01 bộ dụng cụ cho mã mỗi mã hiệu gồm: 1 mỏ lết TQ 12in, 1 dụng cụ đóng bạc 6. Giường bơm (2 cái) 7. Bộ bơm (2 cái) 8. Ống nâng nước + ty bơm		Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường Bình thường	Bộ Cái Cái Bộ Bộ Kiện Kiện Kiện	2 2 4 8 1 1 1 1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu B09 - DN

**5.16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**5.16.1 TÀI SẢN NHẬN GIỮ HỒ (TIẾP)**

STT	Tên vật tư	Quy cách	Tình trạng	Đơn vị tính	Số lượng
9	Thiết bị thí nghiệm		Hồng	Bộ	1
	1. Phụ gia kiểm tra độ PH loại SP		Bình thường	Cái	1
	2. Thước đo độ PH loại SP-PH		Bình thường	Cái	1
	3. Thiết bị thí nghiệm theo bộ		Bình thường	Bộ	1
	-01 đồng hồ đo độ PH, Horiba D12		Bình thường	Cái	1
	-01 đồng hồ đo độ dẫn điện, Horiba ES12		Bình thường	Cái	1
	-01 đồng hồ đo độ đục Hash, 2100P		Bình thường	Cái	1
	-01 cân tiêu ly, Pretica 240A		Bình thường	Cái	1
	-01 lò khử trùng bằng hơi nóng Memmert- SLM 500		Bình thường	Cái	1
	-01 bình nghiệm Stuart-SW-1		Bình thường	Cái	1
	-01 bình nước dẫn điện Memmert-WB-7		Bình thường	Cái	1
	-01 bình cấp nước sạch Bibby, D400		Bình thường	Cái	1
	-01 lò sấy Memmert BE 500		Bình thường	Cái	1
	-02 máy khuấy có đĩa nóng, PCM, 502-C2		Bình thường	Cái	2
	-01 nồi hấp Truemaure 2340		Bình thường	Cái	1
	-01 bộ đo lường Clo dư Shibata		Bình thường	Cái	1
	-01 lò nung Carbolite CFW 12/5/91		Bình thường	Cái	1
	- Hóa chất		Hồng	Bộ	1
	- Các vật liệu tiêu dùng khác		Hồng	Bộ	1

5.16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5.16.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Công nợ phải thu khách hàng đã xử lý đến hết ngày 31/12/2017 là: 444.619.535 đồng.

5.17 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	152.137.601.109	132.027.771.769
Doanh thu trợ giá	2.400.000.000	2.400.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.837.531	249.171.168
Doanh thu hoạt động xây lắp	5.423.831.895	3.857.834.455
<b>Tổng</b>	<b>160.144.270.535</b>	<b>138.534.777.392</b>

5.18 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	212.575.419	41.554.159
<b>Tổng</b>	<b>212.575.419</b>	<b>41.554.159</b>

5.19 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	151.995.285.690	131.986.217.610
Doanh thu trợ giá	2.400.000.000	2.400.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.837.531	249.171.168
Doanh thu hoạt động xây lắp	5.353.571.895	3.857.834.455
<b>Tổng</b>	<b>159.931.695.116</b>	<b>138.493.223.233</b>

5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng	122.681.454.956	97.056.727.178
Giá vốn cung cấp dịch vụ	161.617.732	234.442.299
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.673.300.151	2.528.977.187
<b>Tổng</b>	<b>126.516.372.839</b>	<b>99.820.146.664</b>

**5.21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.077.818.284	666.704.858
<b>Tổng</b>	<b>1.077.818.284</b>	<b>666.704.858</b>

**5.22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	4.771.844.165	5.402.409.020
<b>Tổng</b>	<b>4.771.844.165</b>	<b>5.402.409.020</b>

**5.23 CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	12.803.941.475	12.768.809.259
Chi phí nhân công	9.034.289.038	8.820.879.151
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.769.652.437	3.947.930.108
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	9.090.544.826	9.272.224.095
Chi phí nhân công	3.695.086.421	3.413.189.455
Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân	4.396.305.386	4.994.669.133
Các khoản chi phí bán hàng khác	999.153.019	864.365.507
<b>Tổng</b>	<b>21.894.486.301</b>	<b>22.041.033.354</b>

**5.24 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý vật tư	407.764.182	514.918.490
Thu tiền phạt, vi phạm hợp đồng	42.418.606	37.382.189
Thu từ cho thuê tài sản	1.860.490.000	228.255.530
Thu hồi vật tư của TSCĐ phá dỡ	173.371.958	-
Thu từ xây dựng tuyến cấp nước sinh hoạt Cảng hàng không Phù Cát	-	629.699.384
Thanh lý tài sản	-	1.226.301.009
Thu nhập khác	202.072.258	148.689.730
<b>Tổng</b>	<b>2.686.117.004</b>	<b>2.785.246.332</b>



5.25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại TSCĐ phá dỡ	276.564.940	-
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	775.020	-
Chi phí cho thuê tài sản	1.700.127.855	159.602.972
Chi phí xây dựng tuyến cấp nước sinh hoạt Cảng hàng không Phù Cát	-	629.699.384
Giá trị vật tư nhượng bán	-	20.492.710
Các khoản khác	85.306.076	133.815.324
<b>Tổng</b>	<b>2.062.773.891</b>	<b>943.610.390</b>

5.26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.224.093.582	30.040.668.903
Chi phí nhân công	35.527.155.537	33.178.496.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.522.485.076	38.660.415.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.576.336.391	6.286.226.039
Chi phí khác bằng tiền	11.725.115.524	13.695.372.724
<b>Tổng</b>	<b>147.575.186.110</b>	<b>121.861.180.018</b>

5.27 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.723.202.042	2.776.876.599
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.723.202.042</b>	<b>2.776.876.599</b>

5.28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.726.951.166	10.961.098.396
Các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	2.690.780.000	4.384.439.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.690.780.000	4.384.439.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	4.036.171.166	6.576.659.396
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	12.410.800	12.410.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>325</b>	<b>530</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.337.220.000	1.548.206.376
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	356.592.000	497.790.000

**6.2 THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Nguyễn Hạnh Lan



Lê Thanh Cường



Nguyễn Văn Châu

